

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày 28/6/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Vĩnh Trung
2. Bà H’Bon Du

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 27/05/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST- DS ngày 11/06/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bạch H – Sinh năm 1970

Địa chỉ: Buôn 2, xã Ea , huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Quốc A – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Ánh Đắk Lắk. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nông Thị Vân A – Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea , huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn H – Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Trần Văn C – Sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã Ea , huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Văn phòng Công chứng Đỗ Xuân B

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị L(vắng mặt)

Địa chỉ: 252 : L, P. T, TP. Bt, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Quốc A trình bày:

Bà Đỗ Thị Bạch H và bà Nông Thị Vân A có quan hệ quen biết nhau ở

cùng địa phương nên vào ngày 20/10/2018 bà Nông Thị Vân A đặt vấn đề vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để về mua đất rẫy để trồng trọt chăn nuôi, thời hạn vay là 02 năm với thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bà Nông Thị Vân A cam kết trả thành 04 đợt, mỗi đợt cách nhau 6 tháng, lần đầu thanh toán vào ngày 20/4/2019 phải trả 100.000.000 đồng (trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất chia đều. Sau khi thống nhất và đồng ý cho vay số tiền trên hai bên dẫn nhau đến Văn phòng Công chứng Đỗ Xuân B tại thành phố Buôn Ma Thuột lập hợp đồng cho vay tiền và chức thực tại văn phòng công chứng. Bà H đã giao đủ số tiền cho vay là 400.000.000 đồng có lập giấy nhận tiền ngày 20/10/2018. Tuy nhiên đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận bà Nông Thị Vân A chạy lý trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi bất cứ khoản nào cho bà. Do vậy bà Đỗ Thị Bạch H khởi kiện ra tòa án huyện Buôn Đôn buộc bà Nông Thị Vân A có nghĩa vụ trả cho bà toàn bộ số tiền vay nợ gốc là 400.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận, đồng thời phải trả cho bà lãi suất phát sinh kể từ ngày 21/10/2020 cho đến khi hết nợ trên tổng số nợ gốc theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm. Bà cũng yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả các khoản nợ trên đối với ông Phạm Văn H là chồng bà Nông Thị Vân A vì bà A vay tiền về để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Đối với bị đơn bà Nông Thị Vân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số:18/TB-TLVA, ngày 25/02/2021. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 01/TB-TA, ngày 18/03/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:02/TB-TA, ngày 07/05/2021. Tuy nhiên, bị đơn bà Nông Thị Vân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Nông Thị Vân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trong quá trình giải quyết có trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Bạch H có quan hệ vợ chồng, việc vợ ông bà Đỗ Thị Bạch H với bà Nông Thị Vân A có xác lập giao dịch vay tiền ông có biết. Tuy nhiên số tiền này không có liên quan đến ông. Ông Trần Văn C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình có bản tự khai trình bày như sau:

Vào ngày 20/10/2018 Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B nhận được yêu cầu công chứng vay tiền của Đỗ Thị Bạch H trú tại xã Ea , B, Đăk Lăk. Văn phòng chúng tôi đã tiến hành tra cứu trên hệ thống phần mềm quản lý công chứng của sở Tư pháp tỉnh Đăk Lăk và xác nhận các bên tự nguyện thảo thuận giao kết hợp đồng cho vay tiền với các điều khoản cụ thể như trong hợp đồng vay tiền đã được công chứng. Việc vay tiền được lập thành Hợp đồng do hai bên hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, không bị ép buộc và đúng quy định. Do đó đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147, Điều 162 Điều 186; Điều 187 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Bạch H .

Buộc vợ chồng bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là 450.000.000 đồng; tiền lãi suất phát sinh từ ngày 21/10/2020 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Nông Thị Vân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Hòa; Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B và ông Trần Văn C mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Ngày 20/10/2018 bà Nông Thị Vân A có xác lập 01 Hợp đồng vay tiền của bà Đỗ Thị Bạch H số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 50.000.000 đồng trong thời gian vay 02 năm của khoản vay nêu trên, Hai bên thỏa thuận trả thành 04 đợt, mỗi đợt cách nhau 6 tháng, lần đầu thanh toán vào ngày 20/4/2019 phải trả 100.000.000 đồng (trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất chia đều. Đến nay bà Nông Thị Vân A chưa trả được bất cứ khoản nợ gốc và lãi cho bà Đỗ Thị Bạch H.

Tại kết luận số: 79/KLGD-PC09 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Nông Thị Vân A trên giấy nhận tiền ngày 20/10/2018 và chữ ký đứng tên Nông Thị Vân A tại Hợp đồng cho vay tiền là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Giao dịch vay tiền Nông Thị Vân A cùng với bà Đỗ Thị Bạch H xác lập các giao dịch vay tiền là có thật, theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 463 và 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mục đích vay tiền của bà Nông Thị Vân A về phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù, việc vay mượn tiền chỉ một mình bà Nông Thị Vân A đứng ra ký nhận. Việc giao dịch vay tiền nêu trên

ông Phạm Văn H là chồng bà Nông Thị Vân A không có ký nhận việc vay tiền. Tuy nhiên quá trình xác minh ông Phạm Văn H có quan hệ chồng vợ với bà Nông Thị Vân A. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên ông Phạm Văn H không có ý kiến cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Mục đích bà Vân Anh vay tiền để làm ăn nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch vay tiền nêu trên vợ chồng phải cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Bạch H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần buộc vợ chồng bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận thể hiện trong hợp đồng giao kết là 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

-*Về lãi suất*: Khi thực hiện giao dịch hai bên có thỏa thuận lãi suất phải trả là 50.000.000 đồng trong thời hạn vay là hai năm là phù hợp với khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng cho vay tiền có thỏa thuận lãi suất, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là 1%/ tháng trên số tiền nợ gốc và lãi là 450.000.000 đồng (từ ngày 21/10/2020 dương lịch ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 28/06/2021 làm tròn là 08 tháng) là phù hợp cần chấp nhận, cụ thể: $450.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, vợ chồng bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền gốc và tiền lãi là $450.000.000 \text{ đồng} + 36.000.000 \text{ đồng} = 486.000.000 \text{ đồng}$ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng).

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của bà Đỗ Thị Bạch H được chấp nhận nên bà bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền: 4.850.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định là phù hợp với Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị Bạch Hoa.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 162, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Bạch H.

1. Buộc bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền nợ gốc và lãi suất là 486.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải chịu 4.850.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định, hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền tạm ứng chi phí giám định là 2.160.000 đồng sau khi thu được của bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H.

3. Về án phí: Bà Nông Thị Vân A và ông Phạm Văn H phải chịu 23.440.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Bạch H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Đỗ Thị Bạch H số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010789 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tình